

Số: 21/NQ-HĐND

Lực Hành, ngày 23 tháng 6 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Lực Hành

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ LỰC HÀNH, KHÓA XXV,
KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 34-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị về sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách;

Căn cứ Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 96-NQ/TU ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tuyên Quang về lãnh đạo sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Phương án số 123/PA-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2026 của UBND tỉnh về Phương án tổng thể sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 47-NQ/ĐU ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã về công tác tổ chức, cán bộ;

Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã tại tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2026 về sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Lực Hành; Báo cáo thẩm tra số 19/BC-VHXXH ngày 22 tháng 6 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân xã; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Lực Hành như sau:

Trên cơ sở Đề án số 02/ĐA-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã về tổng thể sắp xếp, tổ chức lại các thôn của xã Lực Hành năm 2026, Hội đồng nhân dân xã Lực Hành Quyết định sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Lực Hành như sau:

Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 28 thôn thành 13 thôn gồm:

(1). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 547,4 ha và 62 hộ gia đình thôn 1 và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 667,4 ha và 117 hộ gia đình thôn 2 thành thôn Nà Ca sau sắp xếp có tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.214,8 ha với 179 hộ gia đình.

(2). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 370,6 ha, 94 hộ gia đình thôn 3 và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 306,9 ha, 66 hộ gia đình thôn 4 với toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 378,07 ha, 83 hộ gia đình thôn 8 thành thôn Quý Quân sau sắp xếp có tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.056,2 ha với 243 hộ gia đình.

(3). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 437,6 ha, 72 hộ gia đình thôn 5 và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 584,8 ha, 80 hộ gia đình thôn 6 với toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 359,4, 75 hộ gia đình thôn 7 thành thôn Cánh Vần sau sắp xếp có tổng diện tích tự nhiên khoảng 1.381,8 ha với 227 hộ gia đình.

(4). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 247,42 ha và 80 hộ gia đình thôn Đồng Mán và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 239,5 ha và 88 hộ gia đình thôn Làng Quài thành thôn Làng Quài sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 486,92 ha với 168 hộ gia đình.

(5). Sắp xếp khoảng 47 ha và 41 hộ gia đình thôn Đồng Ngọc và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 275,6 ha và 117 hộ gia đình thôn Đoàn Kết thành thôn Đoàn Kết sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 322,6 ha với 158 hộ gia đình.

(Có danh sách 41 hộ gia đình kèm theo)

(6). Sắp xếp khoảng 170,4 ha và 102 hộ gia đình thôn Đồng Ngọc và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 255,39 ha và 98 hộ gia đình thôn Làng Trà thành thôn Ngọc Trà sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên 425,79 ha với 200 hộ gia đình.

(Có danh sách 100 hộ gia đình kèm theo)

(7). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 197,9 ha và 88 hộ gia đình thôn Bến và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 259,7 ha và 94 hộ gia đình thôn Minh Khai thành thôn Bến Minh Khai sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 457,6 ha với 182 hộ gia đình.

(8). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 233,5 ha và 75 hộ gia đình thôn Đồng Rôm và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 224,2 ha và 118 hộ gia đình thôn Phai Đá thành thôn Phai Đá sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 457,7 ha với 193 hộ gia đình.

(9). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 200,5 ha và 109 hộ gia đình thôn Vàng Lè và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 197,7 ha và 109 hộ gia đình

thôn Đán Khao thành thôn Đán Khao sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 398,2 ha với 218 hộ gia đình.

(10). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 182,3 ha, 47 hộ gia đình thôn Yên Vân và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 247,27 ha và 71 hộ gia đình thôn Tân Phương thành thôn Tân Yên sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 429,57 ha với 118 hộ gia đình.

(11). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 289,9 ha, 78 hộ gia đình thôn Quang Sơn và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 276,6 ha và 89 hộ gia đình thôn Nam Thắng thành thôn Bình Long sau sắp xếp có tổng diện tích tự nhiên khoảng 566,5 ha với 167 hộ gia đình.

(12). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 210,3 ha, 96 hộ gia đình thôn Cây Chanh và toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 187,7 ha và 90 hộ gia đình thôn Thọ Sơn thành thôn Chiêu Yên sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 398,0 ha với 186 hộ gia đình.

(13). Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 212,3 ha, 33 hộ gia đình thôn Vất Cày, toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 195,7 ha, 52 hộ gia đình thôn Đồng Dày với toàn bộ diện tích tự nhiên khoảng 303,9 ha, 106 hộ gia đình thôn Tân Tiến thành thôn Tân Tiến sau sắp xếp thôn có tổng diện tích tự nhiên khoảng 711,9 ha với 191 hộ gia đình.

Không thực hiện sắp xếp đối với 02 thôn gồm:

(1). Giữ nguyên diện tích tự nhiên khoảng 245,91ha và 169 hộ gia đình thôn Làng Ngoài không thực hiện sắp xếp do đã đủ điều kiện về quy mô hộ gia đình.

(2). Giữ nguyên diện tích tự nhiên khoảng 243,7 ha và 123 hộ gia đình thôn Tân Lập không thực hiện sắp xếp do yếu tố đặc thù về địa hình chia cắt bởi đồi núi, giao thông đi lại khó khăn, không liên kết các thôn khác.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã, chủ tịch Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

a) Kiện toàn, bảo đảm tổ chức, hoạt động các thôn sau sắp xếp, tổ chức lại theo quy định.

b) Hướng dẫn và kiểm tra các hoạt động tự quản của thôn trên địa bàn xã theo quy định.

c) Thực hiện quản lý tổ chức, hoạt động và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn theo quy định và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

c) Thực hiện quản lý tổ chức, hoạt động và thực hiện chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách trên địa bàn theo quy định và phân cấp của cơ quan nhà nước cấp trên.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã; các Ban của Hội đồng nhân dân xã; Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Lục Hành, khóa XXV, Kỳ họp chuyên đề lần thứ hai thông qua ngày 23/6/2026./. *Recent*

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Như Điều 2 (thực hiện);
- Các PCVP HĐND và UBND xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, CVTH.

**TM. HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Quang Toàn

DANH SÁCH
Đồng Ngọc sắp xếp
t số 2/HQ/UBND n
Số khẩu

Số hộ thôn Đồng Ngọc sắp xếp về thôn Đoàn Kết

Số khẩu

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-UBND ngày 23/6/2026 của HĐND xã)

STT	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hòa	2	Thôn Đồng Ngọc	
2	Nguyễn Thị Hào	8	Thôn Đồng Ngọc	
3	Ma Thanh Hải	4	Thôn Đồng Ngọc	
4	Ma Thanh Lục	3	Thôn Đồng Ngọc	
5	Ma Thanh Toàn	4	Thôn Đồng Ngọc	
6	Ma Văn Dậu	4	Thôn Đồng Ngọc	
7	Ma Thanh Hùng	6	Thôn Đồng Ngọc	
8	Triệu Thị Hồng	6	Thôn Đồng Ngọc	
9	Hoàng Minh Khai	4	Thôn Đồng Ngọc	
10	Hoàng Thị Sâm	7	Thôn Đồng Ngọc	
11	Hoàng Đức Hải	6	Thôn Đồng Ngọc	
12	Hoàng Văn Vân	5	Thôn Đồng Ngọc	
13	Hoàng Văn Lập	3	Thôn Đồng Ngọc	
14	Hoàng Văn Thắng	6	Thôn Đồng Ngọc	
15	Hoàng Minh Thiết	2	Thôn Đồng Ngọc	
16	Hoàng Thị Hành	1	Thôn Đồng Ngọc	
17	Hoàng Thị Phán	2	Thôn Đồng Ngọc	
18	Hoàng Duy Tĩnh	2	Thôn Đồng Ngọc	
19	Hoàng Thị Thành	3	Thôn Đồng Ngọc	
20	Hoàng Khánh Dương	2	Thôn Đồng Ngọc	
21	Ma Thanh Đại	5	Thôn Đồng Ngọc	
22	Ma Thanh Tuân	4	Thôn Đồng Ngọc	
23	Ma Thanh Xiêm	6	Thôn Đồng Ngọc	
24	Hoàng Văn Thùy	4	Thôn Đồng Ngọc	
25	Ma Thanh Giang	3	Thôn Đồng Ngọc	
26	Ma Kim Hoàn	7	Thôn Đồng Ngọc	
27	Ma Đức Long	4	Thôn Đồng Ngọc	
28	Phương Thị Thu Hành	3	Thôn Đồng Ngọc	
29	Đào Văn Thân	3	Thôn Đồng Ngọc	
30	Ma Văn Việt	8	Thôn Đồng Ngọc	

31	Ma Thị Thư	2	Thôn Đồng Ngọc	
32	Hoàng Văn Nghị	3	Thôn Đồng Ngọc	
33	Hoàng Thị Tịnh	4	Thôn Đồng Ngọc	
34	Hoàng Văn Sự	3	Thôn Đồng Ngọc	
35	Đào Thị Hoa	6	Thôn Đồng Ngọc	
36	Ma Kim Thắng	1	Thôn Đồng Ngọc	
37	Ma Văn Khoa	2	Thôn Đồng Ngọc	
38	Ma Văn Cảnh	4	Thôn Đồng Ngọc	
39	Ma Văn Khanh	1	Thôn Đồng Ngọc	
40	Hoàng Văn Quyết	4	Thôn Đồng Ngọc	
41	Nguyễn Doanh Tuấn	3	Thôn Đồng Ngọc	
Tổng		160		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ LỰC HÀNH

DANH SÁCH

Số hộ thôn Đồng Ngọc sáp nhập về thôn Làng Trà

(Kèm theo Nghị quyết số 21/NQ-UBND ngày 23/6/2026 của HĐND xã)

STT	Họ và tên	Số khẩu	Địa chỉ	Ghi chú
1	Đinh Văn Lực	5	Thôn Đồng Ngọc	
2	Nguyễn Bá Mộc	6	Thôn Đồng Ngọc	
3	Nông Văn Hà	3	Thôn Đồng Ngọc	
4	Nguyễn Văn Dự	4	Thôn Đồng Ngọc	
5	Chu Thị Vận	2	Thôn Đồng Ngọc	
6	Ma Thị Xuân	1	Thôn Đồng Ngọc	
7	Lương Văn Đông	3	Thôn Đồng Ngọc	
8	Nông Văn Giáo	2	Thôn Đồng Ngọc	
9	Tướng Thị Huệ	6	Thôn Đồng Ngọc	
10	Nông Văn Tu	2	Thôn Đồng Ngọc	
11	Nông Khắc Nguyên	3	Thôn Đồng Ngọc	
12	Nguyễn Thị Sâm	4	Thôn Đồng Ngọc	
13	Lương Văn Lai	6	Thôn Đồng Ngọc	
14	Nông Văn Quang	6	Thôn Đồng Ngọc	
15	Hoàng Văn Tâm	4	Thôn Đồng Ngọc	
16	Nguyễn Thị Lo	6	Thôn Đồng Ngọc	
17	Tô Thị Cương	2	Thôn Đồng Ngọc	
18	Hoàng Văn Khi	4	Thôn Đồng Ngọc	
19	Hoàng Văn Sáng	6	Thôn Đồng Ngọc	
20	Hoàng Văn Thúc	3	Thôn Đồng Ngọc	
21	Lương Thị Yên	5	Thôn Đồng Ngọc	
22	Nguyễn Thị phúc	4	Thôn Đồng Ngọc	
23	Ma Thanh Nhân	5	Thôn Đồng Ngọc	
24	Hoàng Văn Hỷ	5	Thôn Đồng Ngọc	
25	Hoàng Thị Đắc	4	Thôn Đồng Ngọc	
26	Ngô Thị Hà	5	Thôn Đồng Ngọc	
27	Hoàng Văn Hà	3	Thôn Đồng Ngọc	
28	Hoàng Văn Lệ	3	Thôn Đồng Ngọc	
29	Lương Văn Phong	3	Thôn Đồng Ngọc	
30	Hoàng Thị Cư	2	Thôn Đồng Ngọc	
31	Hứa Văn Tuyển	4	Thôn Đồng Ngọc	

32	Lê Văn Thành	6	Thôn Đồng Ngọc	
33	Phí Văn Kỳ	5	Thôn Đồng Ngọc	
34	Phí Văn Hùng	5	Thôn Đồng Ngọc	
35	Nguyễn Thị Chi	1	Thôn Đồng Ngọc	
36	Hoàng Văn Thư	9	Thôn Đồng Ngọc	
37	Lương Thị Hồng	2	Thôn Đồng Ngọc	
38	Nguyễn Thế Lực	4	Thôn Đồng Ngọc	
39	Nguyễn Thị nhạc	4	Thôn Đồng Ngọc	
40	Ma Thị Liên	9	Thôn Đồng Ngọc	
41	Hoàng Văn Lâm	6	Thôn Đồng Ngọc	
42	Hoàng Văn Đô	4	Thôn Đồng Ngọc	
43	Hoàng Đức Chi	6	Thôn Đồng Ngọc	
44	Lương Thị Hòa	5	Thôn Đồng Ngọc	
45	Ma Văn Hạt	3	Thôn Đồng Ngọc	
46	Ma Văn Nhân	4	Thôn Đồng Ngọc	
47	Ma Văn Ngọc	4	Thôn Đồng Ngọc	
48	Ma Văn Nha	3	Thôn Đồng Ngọc	
49	Hứa Văn Luyện	6	Thôn Đồng Ngọc	
50	Hứa Văn Lâm	6	Thôn Đồng Ngọc	
51	Hứa Văn Trường	7	Thôn Đồng Ngọc	
52	Ma Văn Trường	4	Thôn Đồng Ngọc	
53	Phạm Văn Nguyên	4	Thôn Đồng Ngọc	
54	Nông Văn An	3	Thôn Đồng Ngọc	
55	Nông Văn Khai	5	Thôn Đồng Ngọc	
56	Hứa Văn Cường	1	Thôn Đồng Ngọc	
57	Nông Đức Tụ	4	Thôn Đồng Ngọc	
58	Nguyễn Kim Hùng	4	Thôn Đồng Ngọc	
59	Hứa Thị Phương	5	Thôn Đồng Ngọc	
60	Hoàng Đức Tài	4	Thôn Đồng Ngọc	
61	Ninh Văn Tuấn	3	Thôn Đồng Ngọc	
62	Phí Văn Định	5	Thôn Đồng Ngọc	
63	Nguyễn Văn Hào	3	Thôn Đồng Ngọc	
64	Hà Văn Yên	3	Thôn Đồng Ngọc	
65	Nguyễn Văn Ninh	5	Thôn Đồng Ngọc	
66	Phí Đình Chung	4	Thôn Đồng Ngọc	
67	Nông Văn Ninh	4	Thôn Đồng Ngọc	

68	Ma Phúc Thắng	4	Thôn Đồng Ngọc	
69	Hứa Văn Bình	4	Thôn Đồng Ngọc	
70	Nguyễn Văn Lý	4	Thôn Đồng Ngọc	
71	Nguyễn Văn Luận	5	Thôn Đồng Ngọc	
72	Hoàng Văn Nhuận	4	Thôn Đồng Ngọc	
73	Nông Văn Quân	3	Thôn Đồng Ngọc	
74	Triệu Thị Tiến	3	Thôn Đồng Ngọc	
75	Tô Đức Nguyên	4	Thôn Đồng Ngọc	
76	Nguyễn Văn Định	5	Thôn Đồng Ngọc	
77	Hứa Văn Yên	4	Thôn Đồng Ngọc	
78	Đinh Văn Cường	5	Thôn Đồng Ngọc	
79	Hoàng Thị Kính	5	Thôn Đồng Ngọc	
80	Nguyễn Văn Lập	4	Thôn Đồng Ngọc	
81	Nguyễn Văn Hoàn	4	Thôn Đồng Ngọc	
82	Lương Thị Đặng	1	Thôn Đồng Ngọc	
83	Lương Văn Thùy	3	Thôn Đồng Ngọc	
84	Hoàng Văn Tuấn	4	Thôn Đồng Ngọc	
85	Hoàng Đức Nguyên	4	Thôn Đồng Ngọc	
86	Hoàng Đức Huấn	4	Thôn Đồng Ngọc	
87	Phạm Văn Hùng	4	Thôn Đồng Ngọc	
88	Hoàng Văn Bộ	2	Thôn Đồng Ngọc	
89	Hoàng Thị Luy	4	Thôn Đồng Ngọc	
90	Lương Thị Diệp	3	Thôn Đồng Ngọc	
91	Lương T. Thanh Nghị	5	Thôn Đồng Ngọc	
92	Hoàng Văn Liệu	3	Thôn Đồng Ngọc	
93	Hoàng Văn Nga	6	Thôn Đồng Ngọc	
94	Hoàng Thế Anh	4	Thôn Đồng Ngọc	
95	Ngô Thị Lý	3	Thôn Đồng Ngọc	
96	Ngô Văn Phụng	7	Thôn Đồng Ngọc	
97	Nông Khắc Hùng	6	Thôn Đồng Ngọc	
98	Hoàng Minh Cương	4	Thôn Đồng Ngọc	
99	Đỗ Hoàn Hữu	4	Thôn Đồng Ngọc	
100	Hoàng Văn Thảo	2	Thôn Đồng Ngọc	
101	Hoàng Quang Tú	3	Thôn Đồng Ngọc	
102	Trần Hoàng Sơn	3	Thôn Đồng Ngọc	
Tổng		418		